| BỘ THƯƠNG MẠI<br>****** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc<br>******** |
|---|---|
| Số: 04/2007/TT-BTM | *Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2007* |

# THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, GIA CÔNG, THANH LÝ HÀNG NHẬP KHẨU VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM CỦA DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI QUY NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2006/NĐ-CP NGÀY 22/09/2006 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐẦU TƯ

*Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại;*
*Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*
*Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài;*
*Sau khi thống nhất với các bộ có liên quan, Bộ Thương mại hướng dẫn thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu, gia công, thanh lý hàng nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo Luật Đầu tư như sau:*

## I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- Thông tư này hướng dẫn thủ tục xuất khẩu sản phẩm; nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, phụ tùng, linh kiện và các hàng hoá khác phục vụ cho hoạt động đầu tư; gia công hàng hoá; thanh lý hàng nhập khẩu và tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, doanh nghiệp liên doanh, bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi chung là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).

- Hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Thương mại không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

## II. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Xuất khẩu

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có quyền trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất.

- Đối với hàng hoá thuộc diện xuất khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại, hàng hoá xuất khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành, thủ tục xuất khẩu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006.

2. Nhập khẩu

a) Hàng hóa nhập khẩu

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được trực tiếp nhập khẩu hoặc uỷ thác nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, phụ tùng, linh kiện, chi tiết, cụm chi tiết và các hàng hoá khác để triển khai hoạt động đầu tư phù hợp với mục tiêu của dự án đầu tư quy định tại Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

- Đối với hàng hoá thuộc diện nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại, hàng hoá nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành, thủ tục nhập khẩu thực hiện theo qui định tại Nghị đinh số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006.

b) Điều kiện nhập khẩu

- Hàng hoá để tạo tài sản cố định và hàng hóa nhập khẩu để phục vụ cho sản xuất của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải phù hợp với mục tiêu hoạt động, quy mô của dự án đầu tư.

- Hàng hoá nhập khẩu làm mẫu phục vụ cho mục đích giảng dạy hoặc trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các phòng trưng bày, gian hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải phù hợp với quy mô đào tạo hoặc quy mô của phòng trưng bày, triển lãm, giới thiệu sản phẩm.

3. Một số hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu khác

a) Tạm nhập, tái xuất

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được tạm nhập các hàng hoá sau để thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam:

+ Máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, khuôn, mẫu để thực hiện hợp đồng gia công hoặc để phục vụ hoạt động sản xuất theo hình thức thuê, mượn;

+ Hàng hoá để trưng bày tại các hội chợ, triển lãm, các phòng trưng bày, giới thiệu sản phẩm hoặc để nghiên cứu sản xuất, làm mẫu cho giảng dạy, đào tạo, huấn luyện;

+ Sản phẩm đã xuất khẩu để bảo hành, sửa chữa hoặc thay thế sau đó tái xuất khẩu.

- Đối với hàng tạm nhập khẩu thuộc diện có giấy phép của Bộ Thương mại, hoặc thuộc diện quản lý chuyên ngành, thủ tục nhập khẩu thực hiện theo qui định tại Nghị đinh số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006.

- Hàng tạm nhập khẩu nếu tiêu thụ tại thị trường Việt Nam, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006 và phải thực hiện các nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật.

- Thời hạn tạm nhập, tái xuất được thực hiện theo thoả thuận của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với bên đối tác và phải đăng ký tại cơ quan hải quan.

b) Tạm xuất, tái nhập

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được tạm xuất, tái nhập các hàng hoá sau để thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam:

+ Máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, dụng cụ, khuôn mẫu, nguyên vật liệu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ở nước ngoài, để thực hiện hợp đồng gia công, hoặc để bảo hành, sửa chữa, thay thế;

+ Hàng hóa để trưng bày tại hội chợ, triển lãm.

- Hàng tạm xuất khẩu thuộc diện có giấy phép của Bộ Thương mại, hoặc thuộc diện quản lý chuyên ngành, thủ tục xuất khẩu thực hiện theo qui định tại Nghị đinh số 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006.

- Hàng tạm xuất khẩu nếu tiêu thụ tại thị trường nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải thực hiện các nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật.

- Thời hạn tạm xuất, tái nhập thực hiện theo thoả thuận của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với đối tác nước ngoài và phải đăng ký thời hạn tại cơ quan hải quan.

c) Xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện xuất khẩu tại chỗ hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam theo các điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài xuất khẩu tại chỗ phải ký hợp đồng xuất khẩu, trong đó quy định rõ việc giao hàng tại Việt Nam theo chỉ định của người mua hàng là thương nhân nước ngoài;

+ Thương nhân Việt Nam hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài khác có nhu cầu nhập khẩu tại chỗ phải ký hợp đồng nhập khẩu với chính thương nhân nước ngoài đã ký hợp đồng mua hàng của doanh nghiệp xuất khẩu tại chỗ, trong đó quy định rõ việc giao hàng tại Việt Nam theo chỉ định của người bán hàng là thương nhân nước ngoài.

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện nhập khẩu tại chỗ máy móc, thiết bị, dụng cụ, vật tư để tạo tài sản cố định, nguyên vật liệu cho sản xuất theo các điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhập khẩu tại chỗ phải ký hợp đồng nhập khẩu với chính thương nhân nước ngoài đã ký hợp đồng mua hàng của thương nhân Việt Nam, trong đó quy định rõ việc nhận hàng tại Việt Nam theo chỉ định của người bán hàng là thương nhân nước ngoài.

+ Thương nhân Việt Nam hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài xuất khẩu tại chỗ phải ký hợp đồng xuất khẩu, trong đó quy định rõ việc giao hàng tại Việt Nam theo chỉ định của người mua hàng là thương nhân nước ngoài;

d) Nhập khẩu hàng hoá để tiếp thị, khuyến mại

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư có nhu cầu nhập khẩu hàng hóa cùng chủng loại với sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất để tiếp thị, giới thiệu sản phẩm phục vụ cho hoạt động đầu tư và để khuyến mại cho việc tiêu thụ sản phẩm thì đăng ký kế hoạch nhập khẩu tại Bộ Thương mại.

4. Thanh lý hàng nhập khẩu

a) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thanh lý hàng hoá nhập khẩu bao gồm: máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, nguyên liệu, vật tư và các hàng hoá nhập khẩu khác thuộc sở hữu của doanh nghiệp theo các hình thức: xuất khẩu, nhượng bán tại thị trường Việt Nam, cho, biếu, tặng, tiêu hủy.

b) Hàng hóa nhập khẩu thuộc diện thanh lý bao gồm:

- Vật tư, thiết bị dôi dư sau khi hoàn thành xây dựng cơ bản hình thành doanh nghiệp;

- Máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, nguyên vật liệu và các hàng hoá khác khi doanh nghiệp vẫn đang hoạt động;

- Tài sản của doanh nghiệp sau khi giải thể, chấm dứt hoạt động.

c) Điều kiện thanh lý hàng nhập khẩu:

Hàng nhập khẩu chỉ được thanh lý khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển:

+ Hết thời gian khấu hao;

+ Bị hư hỏng;

+ Để thu hẹp quy mô sản xuất hoặc thay đổi mục tiêu hoạt động;

+ Để thay thế máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển mới.

- Đối với nguyên vật liệu và các hàng hoá khác:

+ Dư thừa, tồn kho;

+ Không đảm bảo chất lượng;

+ Không phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Gia công

a) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được nhận gia công, gia công lại sản phẩm phù hợp với mục tiêu quy định tại Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư, cụ thể:

- Được nhận gia công cho thương nhân nước ngoài, nhận gia công và gia công lại cho thương nhân trong nước.

- Được thuê gia công trong nước, đặt gia công ở nước ngoài một hoặc nhiều công đoạn sản xuất mà máy móc, thiết bị của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chưa đáp ứng được về số lượng hoặc chất lượng.

b) Hàng hoá gia công phải không thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu; cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu. Đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được ký hợp đồng gia công sau khi được Bộ Thương mại cấp giấy phép.

c) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được thực hiện hoạt động gia công sau khi đã hoàn thành đầu tư xây dựng cơ bản hình thành doanh nghiệp và bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Mua, bán hàng hoá giữa doanh nghiệp chế xuất với thị trường nội địa

a) Việc mua bán hàng hoá giữa doanh nghiệp chế xuất với thị trường nội địa được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ. Hàng hoá do doanh nghiệp chế xuất mua hoặc bán với thị trường nội địa phải không thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại Nghị định 12/2006/NĐ-CP ngày 23/01/2006. Hàng hoá thuộc diện quản lý theo giấy phép hoặc quản lý chuyên ngành phải được Bộ Thương mại hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành chấp thuận bằng văn bản mới được mua hoặc bán vào thị trường nội địa.

b) Quan hệ mua, bán hàng hoá giữa doanh nghiệp chế xuất và thị trường nội địa là quan hệ xuất nhập khẩu. Doanh nghiệp chế xuất được trực tiếp làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu tại cơ quan

hải quan, không phải làm thủ tục phê duyệt kế hoạch nhập khẩu tại các Ban quản lý Khu chế xuất, Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao, Khu kinh tế, Khu thương mại.

c) Việc nhượng bán phế liệu, phế phẩm thu được trong quá trình sản xuất được thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý môi trường.

d) Việc mua văn phòng phẩm, hàng hoá từ thị trường nội địa phục vụ sinh hoạt hàng ngày của doanh nghiệp chế xuất không phải làm thủ tục hải quan mà chỉ cần đăng ký với các Ban quản lý Khu chế xuất, Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao, Khu kinh tế, Khu thương mại.

7. Tiêu thụ sản phẩm tại thị trường Việt Nam

a) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được trực tiếp bán buôn, bán lẻ hoặc thông qua đại lý để tiêu thụ sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam. Việc tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp không bị giới hạn về địa bàn tiêu thụ và sự kiểm soát của Nhà nước về giá bán hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quản lý giá thì phải áp dụng theo khung giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố. Trường hợp hàng hoá thuộc diện phân phối theo quy định riêng của Nhà nước thì thực hiện theo các quy định đó.

b) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong đó có quy định được làm đại lý bán sản phẩm sản xuất tại Việt Nam cho doanh nghiệp khác thì tiếp tục được làm đại lý tiêu thụ sản phẩm. Đối với các trường hợp khác, Bộ Thương mại xem xét từng trường hợp cụ thể.

## III. HỒ SƠ, THỦ TỤC

1. Hồ sơ, thủ tục đối với xuất khẩu, nhập khẩu, gia công với nước ngoài, thanh lý hàng nhập khẩu, miễn thuế hàng nhập khẩu

a) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được trực tiếp làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu, gia công với nước ngoài, miễn thuế hàng nhập khẩu, thanh lý hàng nhập khẩu đã được miễn thuế nhập khẩu tại cơ quan hải quan.

Việc thanh lý hàng nhập khẩu đã chịu thuế nhập khẩu do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tự quyết định trên cơ sở phù hợp với điều kiện thanh lý hàng nhập khẩu nêu tại khoản c mục 4 phần II Thông tư này.

Việc thanh lý hàng nhập khẩu thuộc quyền kinh doanh nhập khẩu dành riêng cho các doanh nghiệp thương mại nhà nước chỉ được phép thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Thương mại.

b) Hồ sơ xuất khẩu, nhập khẩu, gia công với nước ngoài, miễn thuế nhập khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.

c) Hồ sơ thanh lý hàng nhập khẩu đã được miễn thuế nhập khẩu gửi cơ quan hải quan bao gồm:

- Thanh lý vật tư, thiết bị nhập khẩu dôi dư sau khi hoàn thành xây dựng cơ bản:

+ Công văn đề nghị thanh lý (kèm theo danh mục hàng đề nghị thanh lý), trong đó nêu rõ hình thức thanh lý.

- Thanh lý máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và hàng hoá khác khi doanh nghiệp vẫn đang hoạt động:

+ Công văn đề nghị thanh lý của doanh nghiệp, trong đó nêu rõ hình thức thanh lý và danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư và các hàng hoá khác đề nghị thanh lý;

+ Bản kê khai khấu hao máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển hoặc biên bản giám định máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển bị hư hỏng;

- Thanh lý máy móc, thiết bị, vật tư và các hàng hoá khác sau khi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có quyết định giải thể, chấm dứt hoạt động:

+ Công văn đề nghị thanh lý của doanh nghiệp, trong đó nêu rõ hình thức thanh lý và danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư và các hàng hoá khác đề nghị thanh lý;

+ Bản kê khai khấu hao máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển hoặc biên bản giám định máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển.

+ Quyết định của cơ quan cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư chấp thuận việc giải thể, chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp;

+ Phương án thanh lý tài sản.

d) Hồ sơ thanh lý hàng nhập khẩu thuộc quyền kinh doanh nhập khẩu dành riêng cho các doanh nghiệp thương mại nhà nước gửi Bộ Thương mại bao gồm:

+ Công văn đề nghị thanh lý của doanh nghiệp kèm theo danh mục hàng hoá đề nghị thanh lý;

+ Giải trình nêu lý do thanh lý và hình thức thanh lý cụ thể (nếu thanh lý theo hình thức tiêu huỷ thì nêu cụ thể phương án tiêu huỷ, nếu nhượng bán, cho, biếu, tặng thì nêu cụ thể đối tượng nhượng bán, cho, biếu tặng).

đ) Hồ sơ nhập khẩu hàng hoá để tiếp thị, khuyến mại gửi Bộ Thương mại bao gồm:

- Công văn đề nghị nhập khẩu kèm theo danh mục hàng hóa nhập khẩu (tên hàng, số lượng, trị giá);

- Báo cáo giải trình về việc nhập khẩu hàng hóa để tiếp thị, khuyến mại (nêu rõ căn cứ để xác định số lượng, trị giá đề nghị nhập khẩu).

- Văn bản xác nhận việc đăng ký thực hiện chương trình khuyến mại (đối với nhu cầu nhập khẩu để khuyến mại).

- Bản sao Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

**2.** Thời hạn giải quyết của Bộ Thương mại

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ Thương mại có văn bản trả lời doanh nghiệp việc chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của doanh nghiệp.

## IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Bãi bỏ các Thông tư số 23/1999/TT-BTM ngày 26/7/1999, số 22/2000/TT-BTM ngày 15/12/2000, số 26/2001/TT-BTM ngày 4/12/2001 và Thông tư số 01/2005/TT-BTM ngày 6/1/2005 của Bộ Thương mại./.

***Nơi nhận*:**
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- BQL KCN, KCX, KCNC các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Sở Thương mại các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Thương mại;
- Lưu: VT, KHĐT, PC.

**Lê Danh Vĩnh**